

ĐẠI HỌC THÁI NGUYÊN
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KỸ THUẬT CÔNG NGHIỆP



CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO
NGÀNH QUẢN LÝ CÔNG NGHIỆP

THÁI NGUYÊN, NĂM 2023

CHƯƠNG TRÌNH GIÁO DỤC ĐẠI HỌC

I. THÔNG TIN CHUNG VỀ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

Ngành đào tạo: Quản lý công nghiệp

Tên tiếng Anh: Industrial Management

Mã ngành: 7510601

Chuyên ngành đào tạo: Logistics

Trình độ đào tạo: Đại học

Loại hình đào tạo: Chính quy

Thời gian đào tạo: 4 năm

Văn bằng tốt nghiệp: Cử nhân

Phương thức tuyển sinh: Tuyển sinh thông qua kỳ thi THPT quốc gia và xét tuyển theo quy định của Trường Đại học Kỹ thuật Công nghiệp - Đại học Thái Nguyên

Điều kiện tốt nghiệp: Hoàn thành chương trình theo Quy chế đào tạo

Tên văn bằng: Cử nhân Quản lý công nghiệp

(CTĐT được ban hành theo Quyết định số/QĐ-ĐHKTCN ngày ... tháng ... năm... của Hiệu trưởng Trường Đại học Kỹ thuật Công nghiệp).

II. MỤC TIÊU CỦA CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

1. Mục tiêu chung

Đào tạo cử nhân chuyên ngành Logistics thuộc ngành Quản lý công nghiệp có kiến thức cơ sở và chuyên môn vững vàng, có năng lực nghiên cứu và khả năng sáng tạo, có kỹ năng thực hành nghề nghiệp trong lĩnh vực Logistics tại các tổ chức, doanh nghiệp; có trách nhiệm nghề nghiệp, có khả năng thích nghi với môi trường làm việc và hội nhập quốc tế.

2. Mục tiêu cụ thể

Sau khi hoàn thành khóa học, Cử nhân tốt nghiệp chuyên ngành Logistics thuộc ngành Quản lý công nghiệp, Trường Đại học Kỹ thuật Công nghiệp có kiến thức, kỹ năng và phẩm chất:

MT1: Nắm vững nguyên lý, quy luật tự nhiên - xã hội; có đủ kiến thức về lý luận chính trị, khoa học tự nhiên, khoa học xã hội nhân văn, khoa học kỹ thuật và kiến thức chuyên môn ở trình độ đại học, từ đó, có thể vận dụng những kiến thức chuyên ngành để giải quyết những vấn đề thuộc lĩnh vực Logistics.

MT2: Trang bị các kỹ năng mềm cơ bản và kỹ năng nghề, có ý thức kỷ luật và tác phong công nghiệp; có phương pháp làm việc khoa học, biết phân tích và giải quyết các vấn đề nảy sinh trong thực tiễn; chủ động nghiên cứu và khám phá tri thức với tinh thần trách nhiệm cao.

MT3: Hiểu biết về môi trường ngành, hình thành ý tưởng, phân tích, thiết kế, đánh giá, triển khai và cải tiến hiệu quả hệ thống Logistics.

III. CHUẨN ĐẦU RA

Ký hiệu	Chuẩn đầu ra	Trình độ năng lực
1	KIẾN THỨC VÀ LẬP LUẬN NGÀNH	
1.1	Hiểu biết các vấn đề thuộc các lĩnh vực khoa học tự nhiên, khoa học xã hội và nhân văn, khoa học kỹ thuật từ đó tiếp thu tốt các kiến thức nền tảng và chuyên ngành và có khả năng học tập ở trình độ cao hơn	2
1.2	Ứng dụng các kiến thức nền tảng ở trình độ đại học, từ đó, có thể áp dụng những thông tin, kiến thức đã học và các tình huống thực tế.	3
1.3	Vận dụng kiến thức chuyên ngành về Logistics trong hoạt động cung ứng dịch vụ Logistics, xuất nhập khẩu, quản lý kho, vận tải và giao nhận nội địa và quốc tế.	3
2	THÁI ĐỘ, KỸ NĂNG CÁ NHÂN VÀ SỰ CHUYÊN NGHIỆP	
2.1	Chủ động nhận diện, đánh giá vấn đề cần giải quyết và đề xuất các phương án giải quyết vấn đề	3
2.2	Phát hiện, khám phá vấn đề cần nghiên cứu một cách độc lập và ứng dụng các kết quả nghiên cứu vào thực tiễn	3
2.3	Có tư duy hệ thống khi xem xét sự vật, hiện tượng một cách tổng quát và mối quan hệ với các sự vật, hiện tượng khác trong hệ thống	3
2.4	Rèn luyện kỹ năng và thái độ cá nhân: Quản lý thời gian và nguồn lực; Kỹ năng làm việc độc lập; Kỹ năng sử dụng các phần mềm chuyên ngành; Nhận thức năng lực bản thân; Ham tìm hiểu và học tập suốt đời; Tính kiên trì, tận tụy, tinh thần trách nhiệm cao	3
2.5	Tuân thủ chủ trương, đường lối, chính sách, pháp luật của Đảng và Nhà nước; Trung thực, khách quan, đoàn kết; Thái độ hành xử chuyên nghiệp; Giữ gìn uy tín nghề nghiệp; Hợp tác, chia sẻ với bạn bè, đồng nghiệp; Trách nhiệm với cộng đồng, xã hội	3
3	KỸ NĂNG PHỐI HỢP GIỮA CÁC CÁ NHÂN	
3.1	Rèn luyện cho sinh viên kỹ năng làm việc nhóm: Tổ chức, hình thành nhóm; lãnh đạo, điều hành nhóm từ đó giải quyết các vấn đề phát sinh trong quá trình làm việc nhóm	3
3.2	Rèn luyện cho sinh viên kỹ năng giao tiếp gồm kỹ năng giao tiếp cơ bản, giao tiếp chuyên môn và sử dụng ngoại ngữ	3
4	HÌNH THÀNH Ý TƯỞNG, THIẾT KẾ/TỔ CHỨC, TRIỂN KHAI VÀ KIỂM TRA - ĐÁNH GIÁ - CẢI TIẾN TRONG BỐI CẢNH DOANH NGHIỆP VÀ XÃ HỘI	
4.1	Hiểu biết vai trò, trách nhiệm của ngành/lĩnh vực hoạt động; Nhận định, phân tích cơ hội, thách thức mà tổ chức, doanh nghiệp đang gặp phải	3

Ký hiệu	Chuẩn đầu ra	Trình độ năng lực
4.2	Hiểu biết về lịch sử hình thành, phát triển của tổ chức, doanh nghiệp; Nhận định, phân tích điểm mạnh, điểm yếu của tổ chức, doanh nghiệp	3
4.3	Có khả năng hình thành ý tưởng, thiết lập yêu cầu, xác định chức năng đối với các hoạt động Logistics	3
4.4	Xây dựng mô hình và quy trình quản lý các hoạt động Logistics	3
4.5	Có khả năng triển khai mô hình, quy trình quản lý các hoạt động Logistics hiệu quả trong các doanh nghiệp và vận hành hệ thống kinh doanh phức hợp.	3
4.6	Kiểm tra, đánh giá kết quả thực hiện công việc của các bộ phận/ cá nhân trong hệ thống quản lý Logistics và đề xuất phương án cải tiến	3

IV. MA TRẬN TƯƠNG QUAN MỤC TIÊU - CĐR

CĐR	Nội dung	Mục tiêu của CTĐT		
		M1	M2	M3
1	KIẾN THỨC VÀ LẬP LUẬN NGÀNH			
1.1	Hiểu biết các vấn đề thuộc các lĩnh vực khoa học tự nhiên, khoa học xã hội và nhân văn, khoa học kỹ thuật từ đó tiếp thu tốt các kiến thức nền tảng và chuyên ngành và có khả năng học tập ở trình độ cao hơn	✓		
1.2	Ứng dụng các kiến thức nền tảng ở trình độ đại học, từ đó, có thể áp dụng những thông tin, kiến thức đã học và các tình huống thực tế.	✓		
1.3	Vận dụng kiến thức chuyên ngành về Logistics trong hoạt động cung ứng dịch vụ Logistics, xuất nhập khẩu, quản lý kho, vận tải và giao nhận nội địa và quốc tế.	✓		
2	THÁI ĐỘ, KỸ NĂNG CÁ NHÂN VÀ SỰ CHUYÊN NGHIỆP			
2.1	Chủ động nhận diện, đánh giá vấn đề cần giải quyết và đề xuất các phương án giải quyết vấn đề		✓	
2.2	Phát hiện, khám phá vấn đề cần nghiên cứu một cách độc lập và ứng dụng các kết quả nghiên cứu vào thực tiễn		✓	
2.3	Có tư duy hệ thống khi xem xét sự vật, hiện tượng một cách tổng quát và mối quan hệ với các sự vật, hiện tượng khác trong hệ thống		✓	
2.4	Rèn luyện kỹ năng và thái độ cá nhân: Quản lý thời gian và nguồn lực; Kỹ năng làm việc độc lập; Kỹ năng sử dụng các phần mềm chuyên ngành; Nhận thức năng lực bản thân; Ham tìm hiểu và học tập suốt đời; Tính kiên trì, tận tụy, tinh thần trách nhiệm cao		✓	

CDR	Nội dung	Mục tiêu của CTĐT		
		M1	M2	M3
2.5	Tuân thủ chủ trương, đường lối, chính sách, pháp luật của Đảng và Nhà nước; Trung thực, khách quan, đoàn kết; Thái độ hành xử chuyên nghiệp; Giữ gìn uy tín nghề nghiệp; Hợp tác, chia sẻ với bạn bè, đồng nghiệp; Trách nhiệm với cộng đồng, xã hội		✓	
3	KỸ NĂNG PHỐI HỢP GIỮA CÁC CÁ NHÂN			
3.1	Rèn luyện cho sinh viên kỹ năng làm việc nhóm: Tổ chức, hình thành nhóm; lãnh đạo, điều hành nhóm từ đó giải quyết các vấn đề phát sinh trong quá trình làm việc nhóm		✓	
3.2	Rèn luyện cho sinh viên kỹ năng giao tiếp gồm kỹ năng giao tiếp cơ bản, giao tiếp chuyên môn và sử dụng ngoại ngữ		✓	
4	HÌNH THÀNH Ý TƯỞNG, THIẾT KẾ/TỔ CHỨC, TRIỂN KHAI VÀ KIỂM TRA - ĐÁNH GIÁ - CẢI TIẾN TRONG BỐI CẢNH DOANH NGHIỆP VÀ XÃ HỘI			
4.1	Hiểu biết vai trò, trách nhiệm của ngành/lĩnh vực hoạt động; Nhận định, phân tích cơ hội, thách thức mà tổ chức, doanh nghiệp đang gặp phải			✓
4.2	Hiểu biết về lịch sử hình thành, phát triển của tổ chức, doanh nghiệp; Nhận định, phân tích điểm mạnh, điểm yếu của tổ chức, doanh nghiệp			✓
4.3	Có khả năng hình thành ý tưởng, thiết lập yêu cầu, xác định chức năng đối với các hoạt động Logistics			✓
4.4	Xây dựng mô hình và quy trình quản lý các hoạt động Logistics			✓
4.5	Có khả năng triển khai mô hình, quy trình quản lý các hoạt động Logistics hiệu quả trong các doanh nghiệp và vận hành hệ thống kinh doanh phức hợp.			✓
4.6	Kiểm tra, đánh giá kết quả thực hiện công việc của các bộ phận/ cá nhân trong hệ thống quản lý Logistics và đề xuất phương án cải tiến			✓

V. VỊ TRÍ VIỆC LÀM CỦA SINH VIÊN SAU KHI TỐT NGHIỆP

Sinh viên sau khi tốt nghiệp có thể làm việc trong các cơ quan quản lý hoạt động Logistics, cơ quan hải quan, các doanh nghiệp và các doanh nghiệp dịch vụ Logistics với vai trò là người thực hiện trực tiếp hoặc điều hành và quản lý các hoạt động:

- Kinh doanh xuất nhập khẩu
- Điều phối vận tải nội địa và quốc tế
- Quản lý chứng từ xuất nhập khẩu
- Quản lý thanh toán quốc tế

- Giao nhận hàng hóa
- Quản lý kho bãi
- Thực hiện các thủ tục hải quan
- Tư vấn, chăm sóc khách hàng về các dịch vụ Logistics

VI. HỌC TẬP NÂNG CAO TRÌNH ĐỘ SAU KHI TỐT NGHIỆP

Sau khi tốt nghiệp các cử nhân chuyên ngành Logistics, ngành Quản lý công nghiệp có thể:

1. Có khả năng tự học tập, nghiên cứu khoa học theo đúng chuyên ngành đào tạo.
2. Nâng cao trình độ sau đại học (bậc thạc sĩ và tiến sĩ) các chuyên ngành kinh tế và quản trị kinh doanh tại các cơ sở đào tạo trong nước và ngoài nước.

VII. MÔ TẢ CẤU TRÚC CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

1. Khung chương trình đào tạo

1.1. Phân bổ khối lượng các khối kiến thức

Khối kiến thức	Số tín chỉ		
	Tổng	Bắt buộc	Tự chọn
Khối kiến thức giáo dục đại cương	31	27	4
- Lý luận chính trị, Pháp luật	13	13	0
- Toán và khoa học tự nhiên	2	2	0
- Khoa học, xã hội và môi trường	4	0	4
- Ngoại ngữ	9	9	0
- Tin học	3	3	0
Khối kiến thức chuyên nghiệp	90	85	5
- Cơ sở nhóm ngành và ngành	51	51	0
- Chuyên ngành	25	20	5
- Liên ngành	5	5	0
- Thực hành, thực tập xưởng			
- Thực tập và Đồ án/Khóa luận tốt nghiệp	9	9	0
Khối kiến thức GDTC và GDQP			
- Giáo dục thể chất			
- Giáo dục quốc phòng			
Tổng	121	112	9

1.2. Nội dung chương trình đào tạo

Số TT	Mã HP	Tên học phần	Số tín chỉ	Số tiết		Điều kiện tiên quyết			Đơn vị thực hiện
				Lý thuyết	TH, TN	Tiên quyết	Học trước	Song hành	
A.	Khối kiến thức giáo dục đại cương		31						

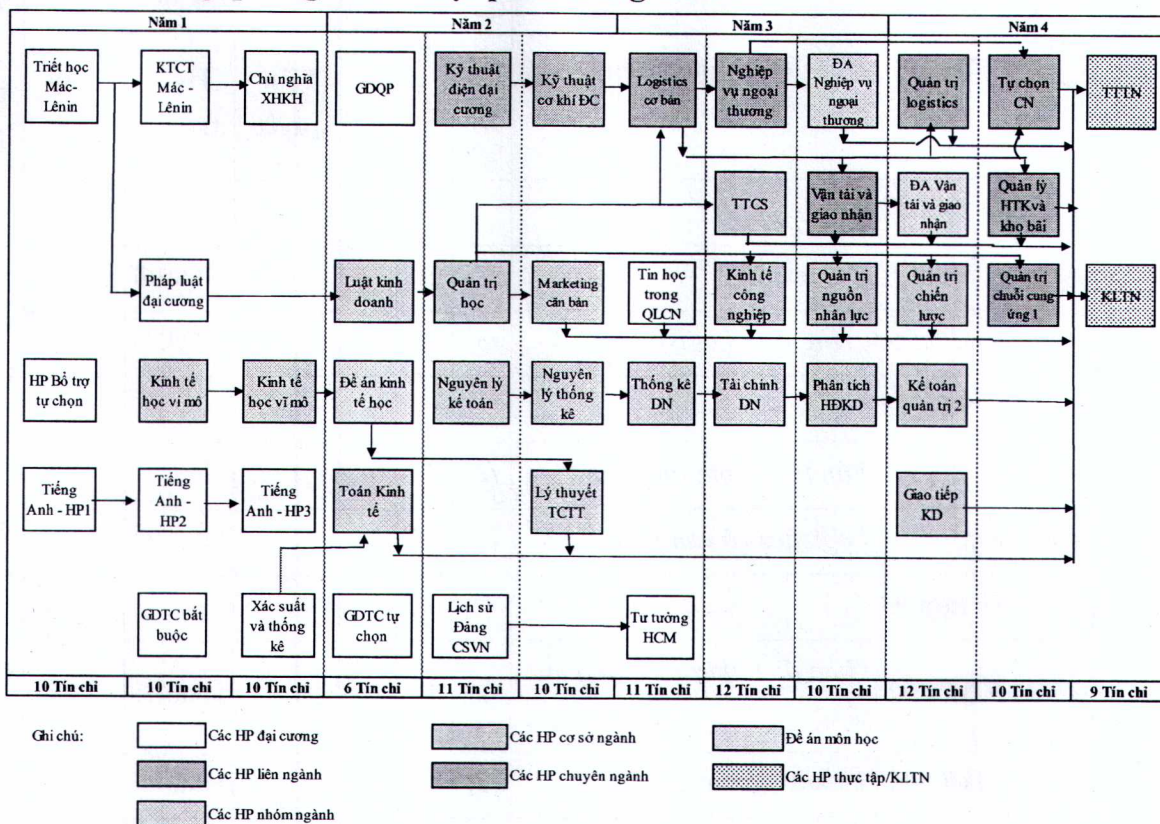
Số TT	Mã HP	Tên học phần	Số tín chỉ	Số tiết		Điều kiện tiên quyết			Đơn vị thực hiện
				Lý thuyết	TH, TN	Tiên quyết	Học trước	Song hành	
I	Học phần bắt buộc		27						
1	BAS123	Triết học Mác – Lênin	3	45					K. KHCB
2	BAS215	Kinh tế chính trị Mác-Lênin	2	30			BAS123		
3	BAS305	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	30			BAS215		
4	BAS217	Lịch sử ĐCS Việt Nam	2	30			BAS305		
5	BAS110	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	30			BAS217		
6	BAS0210	Xác suất và thống kê	2	30					
7	ENG112	Tiếng Anh 1	3	45					K. Quốc tế
8	ENG113	Tiếng Anh 2	3	45			ENG112		
9	ENG217	Tiếng Anh 3	3	45			ENG113		
10	FIM0301	Tin học trong Quản lý công nghiệp	3	15	30				K. KTCN
11	FIM207	Pháp luật đại cương	2	30			BAS123		K. KHCB
12	BAS0109	Giáo dục thể chất bắt buộc							
13	Giáo dục thể chất tự chọn (chọn 2 học phần)								
13.1	B103BC1	(Bóng chuyền 1)							K. KHCB
13.2	B103BD1	(Bóng đá 1)							
13.3	B103BR1	(Bóng rổ 1)							
13.4	B103CL1	(Cầu lông 1)							
14		Giáo dục QP-AN							
II	Học phần bổ trợ tự chọn		4						
15	Học phần tự chọn đại cương (Chọn 2 học phần)		4						
15.1	FIM0101	Lịch sử các học thuyết kinh tế	(2)	30					K. KTCN

Số TT	Mã HP	Tên học phần	Số tín chỉ	Số tiết		Điều kiện tiên quyết			Đơn vị thực hiện
				Lý thuyết	TH, TN	Tiên quyết	Học trước	Song hành	
15.2	FIM0102	Định hướng nghề nghiệp ngành Quản lý công nghiệp	(2)	30					
15.3	FIM0103	Định hướng nghề nghiệp ngành Kinh tế công nghiệp	(2)	30					
B	Khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp								
I	Khối kiến thức liên ngành, nhóm ngành và sơ sở ngành								
I.1	Kiến thức liên ngành tự chọn		5						
16	MEC0336	Kỹ thuật cơ khí đại cương	2	30					K. Cơ khí
17	ELE0205	Kỹ thuật điện đại cương	3	45					K. Điện
II.1	Kiến thức cơ sở nhóm ngành		32						
18	FIM330	Luật kinh doanh	2	30			FIM207		K.KH CB
19	FIM214	Toán Kinh tế	3	45					K. KTCN
20	FIM204	Kinh tế học vi mô	3	45					
21	FIM205	Kinh tế học vĩ mô	3	45			FIM204		
22	FIM216	Lý thuyết tài chính tiền tệ	3	45			FIM205		
23	FIM206	Nguyên lý kế toán	3	45					
24	FIM331	Marketing căn bản	3	45			FIM208		
25	FIM213	Nguyên lý thống kê	2	30			FIM204 BAS0201		
26	FIM371	Thống kê doanh nghiệp	3	45			FIM205 FIM213		
27	FIM334	Tài chính doanh nghiệp	3	45			FIM206		
28	FIM482	Phân tích hoạt động kinh doanh	3	45			FIM334		
29	FIM0380	Đề án Kinh tế học	1	15		FIM204 FIM205			

Số TT	Mã HP	Tên học phần	Số tín chỉ	Số tiết		Điều kiện tiên quyết			Đơn vị thực hiện
				Lý thuyết	TH, TN	Tiên quyết	Học trước	Song hành	
III.1	Kiến thức cơ sở ngành		19						
	Học phần bắt buộc		19						
30	FIM208	Quản trị học	3	45					K. KTCN
31	FIM325	Kế toán quản trị 2	2	30			FIM206 FIM213		
32	FIM497	Giao tiếp kinh doanh	3	45			FIM208		
33	FIM489	Quản trị chiến lược	3	45			FIM208 FIM331		
34	FIM367	Kinh tế công nghiệp	3	45			FIM204 FIM205		
35	FIM0381	Thực tập cơ sở ngành Quản lý công nghiệp	2	30		FIM208			
36	FIM362	Quản trị nguồn nhân lực	3	45			FIM208		
IV	Khối kiến thức chuyên ngành		25						
	Học phần bắt buộc		20						
37	FIM0361	Logistics cơ bản	3	45		FIM208			K. KTCN
38	FIM0491	Quản trị Logistics	3	45			FIM0361		
39	FIM0488	Nghiệp vụ ngoại thương	4	60			FIM0361		
40	FIM0489	Vận tải và giao nhận	3	45			FIM0361		
41	FIM0494	Quản trị hàng tồn kho và kho bãi	3	45			FIM0361		
42	FIM0493	Quản trị chuỗi cung ứng 1	2	30			FIM208		
43	FIM0490	Đề án Nghiệp vụ ngoại thương	1	15		FIM0488			
44	FIM0492	Đề án Vận tải và giao nhận	1	15		FIM0489			
45	Học phần tự chọn chuyên ngành (chọn 1 trong 4 tổ hợp học phần)		5						

Số TT	Mã HP	Tên học phần	Số tín chỉ	Số tiết		Điều kiện tiên quyết			Đơn vị thực hiện
				Lý thuyết	TH, TN	Tiên quyết	Học trước	Song hành	
	Tổ hợp 01								
45.1	FIM0495	E-Logistics	(2)	30			FIM0361		K. KTCN
45.1	FIM0496	Tiếng Anh Logistics	(3)	45			FIM0361		
	Tổ hợp 02								
45.2	FIM0497	Vận tải đa phương thức	(2)	30					K. KTCN
45.2	FIM0498	Logistics và vận tải quốc tế	(3)	45			FIM0361		
	Tổ hợp 03								
45.3	FIM0499	Giao dịch thương mại quốc tế	(2)	30			FIM0488		K. KTCN
45.3	FIM0505	Thanh toán quốc tế	(3)	45			FIM0488		
	Tổ hợp 04								
45.4	FIM0511	Bảo hiểm trong ngoại thương	(2)	30			FIM0488		K. KTCN
45.4	FIM0513	Nghiệp vụ hải quan	(3)	45			FIM0488		
	Thực tập và Khóa luận tốt nghiệp		9						
46	FIM0514	Thực tập tốt nghiệp	3			FIM0488, FIM0489, FIM0494			K. KTCN
47	FIM0515	Đồ án/Khóa luận tốt nghiệp	6			FIM0514			
TỔNG CỘNG			121						
Tổng số tín chỉ toàn CTĐT: 121 TC (Bắt buộc: 112 TC; Tự chọn: 09 TC)									

2. Sơ đồ tương quan giữa các học phần trong CTĐT



3. Kế hoạch giảng dạy

HỌC KỲ 1

STT	Mã số HP	Tên học phần	Số tín chỉ	Số tiết TN, TH	Ghi chú
1	BAS123	Triết học Mác – Lênin	3		
2	ENG112	Tiếng Anh 1	3		
3	Tự chọn đại cương (Chọn 2 trong 3 học phần)		4		
3.1	FIM0101	Lịch sử các học thuyết kinh tế	(2)		
3.2	FIM0102	Định hướng nghề nghiệp ngành Quản lý công nghiệp	(2)		
3.3	FIM0103	Định hướng nghề nghiệp ngành Kinh tế công nghiệp	(2)		
Tổng			10		

HỌC KỲ 2

STT	Mã số HP	Tên học phần	Số tín chỉ	Số tiết TN, TH	Ghi chú
1	BAS215	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	2		
2	FIM204	Kinh tế học vi mô	3		

3	FIM207	Pháp luật đại cương	2		
4	ENG113	Tiếng Anh 2	3		
5	BAS0109	Giáo dục thể chất bắt buộc			
Tổng			10		

HỌC KỲ 3

STT	Mã số HP	Tên học phần	Số tín chỉ	Số tiết TN, TH	Ghi chú
1	BAS0210	Xác suất và thống kê	2		
2	BAS305	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2		
3	FIM205	Kinh tế học vĩ mô	3		
4	ENG217	Tiếng Anh 3	3		
5	Giáo dục thể chất tự chọn (chọn 1 trong 4 học phần)				
5.1	B103BC1	Bóng chuyền 1			
5.2	B103BD1	Bóng đá 1			
5.3	B103BR1	Bóng rổ 1			
5.4	B103CL1	Cầu lông 1			
Tổng			10		

HỌC KỲ 4

STT	Mã số HP	Tên học phần	Số tín chỉ	Số tiết TN, TH	Ghi chú
1	FIM214	Toán Kinh tế	3		
2	FIM330	Luật kinh doanh	2		
3	FIM0380	Đề án Kinh tế học	1		
4		Giáo dục quốc phòng			
5	Giáo dục thể chất tự chọn (chọn 1 trong 4 học phần)				Không chọn HP đã học ở HK 3
5.1	B103BC1	Bóng chuyền 1			
5.2	B103BD1	Bóng đá 1			
5.3	B103BR1	Bóng rổ 1			
5.4	B103CL1	Cầu lông 1			
Tổng			6		

HỌC KỲ 5

STT	Mã số HP	Tên học phần	Số tín chỉ	Số tiết TN, TH	Ghi chú
1	ELE0205	Kỹ thuật điện đại cương	3		
2	FIM208	Quản trị học	3		
3	BAS217	Lịch sử Đảng cộng sản Việt Nam	2		
4	FIM206	Nguyên lý kế toán	3		
Tổng			11		

HỌC KỲ 6

STT	Mã số HP	Tên học phần	Số tín chỉ	Số tiết TN, TH	Ghi chú
1	FIM213	Nguyên lý thống kê	2		
2	FIM331	Marketing căn bản	3		
3	FIM216	Lý thuyết tài chính tiền tệ	3		
4	MEC0347	Kỹ thuật cơ khí đại cương	2		
Tổng			10		

HỌC KỲ 7

STT	Mã số HP	Tên học phần	Số tín chỉ	Số tiết TN, TH	Ghi chú
1	FIM0301	Tin học trong Quản lý công nghiệp	3		
2	FIM371	Thống kê doanh nghiệp	3		
3	BAS110	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2		
4	FIM0361	Logistics cơ bản	3		
Tổng			11		

HỌC KỲ 8

STT	Mã số HP	Tên học phần	Số tín chỉ	Số tiết TN, TH	Ghi chú
1	FIM0488	Nghiệp vụ ngoại thương	4		
2	FIM334	Tài chính doanh nghiệp	3		
4	FIM0381	Thực tập cơ sở ngành Quản lý công nghiệp	2		
5	FIM367	Kinh tế công nghiệp	3		
Tổng			12		

HỌC KỲ 9

STT	Mã số HP	Tên học phần	Số tín chỉ	Số tiết TN, TH	Ghi chú
1	FIM362	Quản trị nguồn nhân lực	3		
2	FIM482	Phân tích hoạt động kinh doanh	3		
3	FIM0489	Vận tải và giao nhận	3		
4	FIM0490	Đề án Nghiệp vụ ngoại thương	1		
Tổng			10		

HỌC KỲ 10

STT	Mã số HP	Tên học phần	Số tín chỉ	Số tiết TN, TH	Ghi chú
1	FIM0491	Quản trị Logistics	3		
2	FIM489	Quản trị chiến lược	3		

3	FIM497	Giao tiếp kinh doanh	3		
4	FIM0492	Đề án vận tải và giao nhận	1		
5	FIM325	Kế toán quản trị 2	2		
		Tổng	12		

HỌC KỲ 11

STT	Mã số HP	Tên học phần	Số tín chỉ	Số tiết TN, TH	Ghi chú
1	FIM0493	Quản trị chuỗi cung ứng 1	2		
2	FIM0494	Quản trị hàng tồn kho và kho bãi	3		
4	Tự chọn chuyên ngành (chọn 1 tổ hợp học phần)		5		
3.1	Tổ hợp 1				
3.1.1	FIM0495	E-Logistics	(2)		
3.1.2	FIM0496	Tiếng Anh Logistics	(3)		
3.2	Tổ hợp 2				
3.2.1	FIM0497	Vận tải đa phương thức	(2)		
3.2.2	FIM0498	Logistics và vận tải quốc tế	(3)		
3.3	Tổ hợp 3				
3.3.1	FIM0499	Giao dịch thương mại quốc tế	(2)		
3.3.2	FIM0505	Thanh toán quốc tế	(3)		
3.4	Tổ hợp 4				
3.4.1	FIM0511	Bảo hiểm trong ngoại thương	(2)		
3.4.2	FIM0513	Nghiệp vụ hải quan	(3)		
		Tổng	10		

HỌC KỲ 12

STT	Mã số HP	Tên học phần	Số tín chỉ	Số tiết TN, TH	Ghi chú
1	FIM0514	Thực tập tốt nghiệp chuyên ngành Logistics	3		
2	FIM0515	Khóa luận tốt nghiệp chuyên ngành Logistics	6		
		Tổng	9		

VIII. MÔ TẢ TÓM TẮT NỘI DUNG CÁC HỌC PHẦN

1. Triết học Mác - Lênin (Số tín chỉ: 3 TC)

- Phân bố thời gian học tập: 45/0/90

- Tóm tắt nội dung học phần: Học phần Triết học Mác - Lênin là học phần bắt buộc trong hệ thống các môn học lý luận chính trị trong chương trình đào tạo. Nội dung của môn học bao gồm 03 chương, nghiên cứu những quy luật vận động, phát triển chung nhất của tự nhiên, xã hội và tư duy; xây dựng thế giới quan, phương pháp

luận khoa học, cách mạng, vận dụng vào hoạt động nhận thức khoa học và thực tiễn cách mạng.

2. Kinh tế chính trị Mác-Lênin (Số tín chỉ: 2TC)

- *Phân bố thời gian học tập: 30/0/60*

- *Tóm tắt nội dung học phần:* Nội dung học phần trình bày về lý luận của kinh tế chính trị Mác - Lênin và một số vấn đề kinh tế của Việt Nam như: Kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và công nghiệp hóa hiện, đại hóa và hội nhập kinh tế quốc tế của Việt Nam hiện nay.

3. Chủ nghĩa xã hội khoa học (Số tín chỉ: 2TC)

- *Phân bố thời gian học tập: 30/0/60*

- *Tóm tắt nội dung học phần:* Môn học trình bày những nội dung cơ bản của Chủ nghĩa xã hội khoa học như: Sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân; Chủ nghĩa xã hội và thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội; Dân chủ xã hội chủ nghĩa và nhà nước xã hội chủ nghĩa; Cơ cấu xã hội - giai cấp và liên minh giai cấp, tầng lớp trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội; Vấn đề dân tộc, tôn giáo, gia đình trong thời kỳ quá độ lên CNXH.

4. Lịch sử Đảng cộng sản Việt Nam (Số tín chỉ: 2TC)

- *Phân bố thời gian học tập: 30/0/60*

- *Điều kiện tiên quyết:* Triết học Mác – Lênin, Kinh tế Chính trị học Mác – Lênin, Chủ nghĩa xã hội khoa học.

- *Tóm tắt nội dung học phần:* Học phần Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam cung cấp cho sinh viên kiến thức về sự ra đời của Đảng Cộng sản Việt Nam, quá trình lãnh đạo của Đảng qua các thời kỳ cách mạng từ năm 1930 đến nay. Qua đó khẳng định những thành công, tổng kết những kinh nghiệm về sự lãnh đạo cách mạng của Đảng để giúp người học nâng cao nhận thức, niềm tin đối với Đảng, vận dụng kiến thức đã học vào thực tiễn công tác, góp phần xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam.

5. Tư tưởng Hồ Chí Minh (Số tín chỉ: 2TC)

- *Phân bố thời gian học tập: 30/0/60*

- *Điều kiện tiên quyết:* Triết học Mác – Lênin, Kinh tế Chính trị Mác – Lênin, Chủ nghĩa xã hội khoa học, Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam.

- *Tóm tắt nội dung học phần:* Tư tưởng Hồ Chí Minh là học phần bắt buộc giảng dạy trong CTĐT cho sinh viên đại học, cao đẳng khối không chuyên ngành Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh. Học phần nhằm trang bị cho sinh viên hệ thống quan điểm của Hồ Chí Minh về những vấn đề cơ bản của cách mạng Việt Nam.

6. Xác suất và thống kê (Số tín chỉ: 2TC)

- *Phân bố thời gian học tập: 30/0/60*

- *Tóm tắt nội dung học phần:* Học phần xác suất thống kê là học phần tự chọn, thuộc khối kiến thức giáo dục đại cương đối với sinh viên các ngành Kinh tế và Điện tử viễn thông. Học phần cung cấp kiến thức cơ bản về Xác suất và Thống kê bao gồm: các phép tính về xác suất, quy luật phân phối xác suất của đại lượng ngẫu nhiên, các tham số đặc trưng của đại lượng ngẫu nhiên, lý thuyết mẫu, ước lượng các tham số của đại lượng ngẫu nhiên, kiểm định giả thiết thống kê, lý thuyết về tương quan và hồi quy, là kiến thức cơ bản để vận dụng giải quyết các bài toán trong kinh tế, kỹ thuật.

7. Tiếng Anh 1 (Số tín chỉ: 3TC)

- *Phân bố thời gian học tập:* 45/0/90

- *Tóm tắt nội dung học phần:* Học phần cung cấp cho người học kiến thức về từ vựng và ngữ pháp cơ bản ở cấp độ đầu của trình độ A2 và cung cấp đa dạng các bài luyện tập giúp người học vận dụng kiến thức từ vựng ngữ pháp đã học trong việc luyện tập và phát triển các kỹ năng nghe, nói, đọc, viết. Bên cạnh đó, sinh viên được làm việc trong nhóm và rèn luyện khả năng luyện tập, thuyết trình chủ đề, tình huống đã học.

8. Tiếng Anh 2 (Số tín chỉ: 3TC)

- *Phân bố thời gian học tập:* 45/0/90

- *Tóm tắt nội dung học phần:* Học phần Tiếng Anh 2 cung cấp cho người học kiến thức về từ vựng, phát âm, và ngữ pháp cơ bản liên quan tới các chủ đề quen thuộc trong đời sống hàng ngày như những cuộc hành trình, diện mạo, phim và loại hình nghệ thuật, khoa học, du lịch, Trái Đất. Ngoài ra, học phần này còn cung cấp đa dạng các bài luyện tập giúp người học rèn luyện các kỹ năng nghe, nói, đọc, viết ở trình độ A2.

9. Tiếng Anh 3 (Số tín chỉ: 3TC)

- *Phân bố thời gian học tập:* 45/0/90

- *Tóm tắt nội dung học phần:* Học phần Tiếng Anh 3 cung cấp cho người học kiến thức về từ vựng, phát âm, và ngữ pháp cơ bản liên quan tới các chủ đề quen thuộc trong đời sống hàng ngày như nhà cửa, thói quen, cuộc sống sinh viên, giải trí, thời tiết, sức khỏe, giao thông. Ngoài ra, học phần này còn cung cấp đa dạng các bài luyện tập giúp người học rèn luyện các kỹ năng nghe, nói, đọc, viết ở trình độ B1.

10. Tin học trong Quản lý công nghiệp (Số tín chỉ: 3TC)

- *Phân bố thời gian học tập:* 15/30/90

- *Tóm tắt nội dung học phần:* Học phần Tin học trong Quản lý công nghiệp là học phần bắt buộc dành cho sinh viên ngành Quản lý công nghiệp, bao gồm các nội dung: Tin học văn phòng; các phần mềm ứng dụng trong quản lý dự án, Quản lý chuỗi cung ứng 1 và quản lý sản xuất trong doanh nghiệp công nghiệp; soạn thảo hợp đồng

kinh tế. Học phần này sẽ giúp sinh viên bổ sung các kiến thức và kỹ năng về ứng dụng công nghệ thông tin trong môi trường làm việc sau khi tốt nghiệp.

11. Pháp luật đại cương (Số tín chỉ: 2TC)

- *Phân bố thời gian học tập:* 30/0/60

- *Tóm tắt nội dung học phần:* Pháp luật đại cương là học phần bắt buộc thuộc phần kiến thức đại cương như khái quát chung về nhà nước và pháp luật; hệ thống pháp luật; Luật Hiến pháp; Luật Hành chính; Luật Dân sự; Luật Hình sự; Luật Hôn nhân và Gia đình; pháp luật về phòng, chống tham nhũng, giúp sinh viên nắm được kiến thức cơ bản về pháp luật Việt Nam, áp dụng vào thực tiễn, nâng cao ý thức pháp luật, đánh giá, định hướng hành vi của bản thân và người khác theo chuẩn mực pháp lý, tôn trọng và thực hiện pháp luật.

12. Giáo dục thể chất bắt buộc

- *Phân bố thời gian học tập:*

- *Tóm tắt nội dung học phần:* Học phần Giáo dục thể chất bắt buộc là học phần bắt buộc. Học phần này cung cấp cho sinh viên kiến thức, kỹ thuật động tác cơ bản trong môn Thể dục và Điền kinh (chạy 100m). Qua đó sinh viên vận dụng vào trong tập luyện và thi đấu để nâng cao sức khỏe và phát triển các tố chất thể lực; hình thành nhân cách và lối sống lành mạnh; ... đáp ứng nhu cầu phát triển toàn diện cho sinh viên.

13. Giáo dục thể chất tự chọn (Bóng chuyền 1, Bóng đá 1, Bóng rổ 1, Cầu lông 1)

- *Phân bố thời gian học tập:*

- *Tóm tắt nội dung học phần:* Giáo dục thể chất tự chọn (Bóng chuyền 1, Bóng đá 1, Bóng rổ 1, Cầu lông 1) là môn học tự chọn đối với sinh viên hệ chính quy trong toàn trường. Học phần trang bị cho sinh viên những kiến thức, kỹ năng, kỹ thuật cơ bản trong môn thể thao lựa chọn. Qua đó sinh viên vận dụng vào trong tập luyện và thi đấu để nâng cao sức khỏe và phát triển các tố chất thể lực; hình thành nhân cách và lối sống lành mạnh; ... đáp ứng nhu cầu phát triển toàn diện cho sinh viên.

14. Giáo dục quốc phòng – an ninh

15. Học phần tự chọn đại cương

15.1 Lịch sử các học thuyết kinh tế (Số tín chỉ: 2TC)

- *Phân bố thời gian học tập:* 30/0/60

- *Tóm tắt nội dung học phần:* Lịch sử các học thuyết kinh tế là học phần tự chọn dành cho sinh viên khối ngành kinh tế, bao gồm các nội dung: Đối tượng và phương pháp nghiên cứu môn lịch sử các học thuyết kinh tế; chủ nghĩa Trọng thương; trường phái kinh tế chính trị học cổ điển; học thuyết kinh tế của Marx - Lênin; học thuyết kinh tế của Trường phái Tân cổ điển; học thuyết kinh tế Trường phái Keynes; học thuyết

kinh tế của Trường phái Chính hiện đại. Học phần này sẽ cung cấp cho sinh viên các kiến thức về lịch sử hình thành và phát triển của các học thuyết kinh tế theo thời gian.

15.2. Định hướng nghề nghiệp ngành Quản lý công nghiệp (Số tín chỉ: 2TC)

- *Phân bố thời gian học tập:* 30/0/60

- *Tóm tắt nội dung học phần:* Học phần Định hướng nghề nghiệp ngành Quản lý công nghiệp, chuyên ngành Logistics là học phần tự chọn dành cho sinh viên chuyên ngành Logistics, bao gồm các nội dung: giới thiệu CTĐT (mục tiêu, chuẩn đầu ra, khung chương trình), giới thiệu ngành nghề (các vị trí việc làm và khung năng lực gắn với vị trí việc làm), hướng dẫn xây dựng mục tiêu học tập, rèn luyện và lập kế hoạch phát triển bản thân. Học phần góp phần giúp sinh viên hiểu rõ hơn về ngành nghề mình đã lựa chọn và định hướng tốt hơn quá trình học tập tại trường.

15.3. Định hướng nghề nghiệp ngành Kinh tế công nghiệp (Số tín chỉ: 2TC)

- *Phân bố thời gian học tập:* 30/0/60

- *Tóm tắt nội dung học phần:* Học phần Định hướng nghề nghiệp ngành Kinh tế công nghiệp là học phần tự chọn dành cho sinh viên của ngành. Học phần bao gồm các nội dung: giới thiệu CTĐT (mục tiêu, chuẩn đầu ra, khung chương trình), giới thiệu ngành nghề (các vị trí việc làm và khung năng lực gắn với vị trí việc làm), hướng dẫn xây dựng mục tiêu học tập, rèn luyện và lập kế hoạch phát triển bản thân. Học phần góp phần giúp sinh viên hiểu rõ hơn về ngành nghề mình đã lựa chọn và định hướng tốt hơn quá trình học tập tại trường.

16. Kỹ thuật cơ khí đại cương (Số tín chỉ: 2TC)

- *Phân bố thời gian học tập:* 30/0/60

- *Tóm tắt nội dung học phần:* Học phần Kỹ thuật cơ khí đại cương giới thiệu các kiến thức cơ bản về sản xuất cơ khí, vật liệu kỹ thuật, cơ cấu, hệ thống và nguyên lý truyền động trong cơ khí, các quá trình gia công cơ khí, cơ bản về kỹ thuật công nghệ và hoạt động của máy công cụ thông dụng, máy công cụ CNC.

17. Kỹ thuật điện đại cương (Số tín chỉ: 3TC)

- *Phân bố thời gian học tập:* 45/0/90

- *Tóm tắt nội dung học phần:* Học phần Kỹ thuật điện đại cương cung cấp kiến thức tổng quan về mạch điện tuyến tính; phương pháp phân tích các bài toán mạch điện tuyến tính một pha và ba pha với kích thích hình sin; kiến thức về cấu tạo, nguyên lý, các chế độ làm việc của các loại máy điện tĩnh và máy điện động như: máy biến áp, máy điện không đồng bộ; kiến thức về cấu tạo, nguyên lý làm việc của một số linh kiện bán dẫn cơ bản và cách tính toán các mạch điện tử thông dụng. Giúp sinh viên có khả năng phân tích, tính toán và ứng dụng các mạch điện thông dụng trong thực tế.

Ngoài ra, sinh viên được làm quen với hoạt động làm việc nhóm và kỹ năng thuyết trình các vấn đề nâng cao sử dụng các phương tiện trình chiếu.

18. Luật kinh doanh (Số tín chỉ: 2TC)

- *Phân bố thời gian học tập:* 30/0/60

- *Tóm tắt nội dung học phần:* Học phần Luật kinh doanh là học phần bắt buộc dành cho sinh viên khối ngành kinh tế, về ngành luật kinh doanh, quy chế pháp lý về thành lập, quản lý, điều hành và tổ chức lại doanh nghiệp; pháp luật phá sản doanh nghiệp và giải quyết tranh chấp kinh doanh, giúp sinh viên nắm được pháp luật về kinh doanh - thương mại, tổ chức doanh nghiệp, trang bị kỹ năng giải quyết các vấn đề pháp lý thực tiễn trong hoạt động kinh doanh theo pháp luật Việt Nam.

19. Toán kinh tế (Số tín chỉ: 3TC)

- *Phân bố thời gian học tập:* 45/0/90

- *Tóm tắt nội dung học phần:* Toán kinh tế là học phần bắt buộc dành cho sinh viên khối ngành kinh tế, bao gồm các nội dung: cách tiếp cận hệ thống trong nghiên cứu kinh tế; cách phân tích tính đúng đắn về mặt kỹ thuật cũng như kinh tế một mô hình; giới thiệu về một số mô hình kinh tế đang được áp dụng trên thực tế; cung cấp hệ thống lý luận về phương pháp giải một số bài toán tối ưu hóa; ứng dụng lý thuyết trò chơi ra quyết định trong trường hợp thiếu thông tin. Học phần này sẽ giúp sinh viên có thêm kiến thức và kỹ năng để giải quyết các vấn đề liên quan đến các bài toán kinh tế vi mô, kinh tế vĩ mô.

20. Kinh tế học vi mô (Số tín chỉ: 3TC)

- *Phân bố thời gian học tập:* 45/0/90

- *Tóm tắt nội dung học phần:* Kinh tế học vi mô thuộc khối kiến thức cơ sở nhóm ngành nhằm trang bị cho sinh viên các kiến thức gồm: Các quy luật kinh tế cơ bản; Lý thuyết cung - cầu; độ co giãn; lý thuyết hành vi người tiêu dùng; lý thuyết hành vi nhà sản xuất; cấu trúc thị trường; thị trường yếu tố sản xuất; vai trò của chính phủ trong nền kinh tế thị trường. Học phần này là cơ sở, nền tảng để sinh viên có thể tiếp cận các kiến thức chuyên ngành sau này.

21. Kinh tế học vĩ mô (Số tín chỉ: 3TC)

- *Phân bố thời gian học tập:* 45/0/90

- *Tóm tắt nội dung học phần:* Học phần Kinh tế học vĩ mô nhằm trang bị cho sinh viên kiến thức cơ bản về kinh tế học vĩ mô, phát triển tư duy kinh tế, giúp người học làm quen với phương pháp phân tích và lập luận trong kinh tế, từ đó có cái nhìn năng động về các hoạt động kinh tế trong thực tiễn và trên thị trường. Học phần này giúp sinh viên vận dụng được các nguyên lý, các quy luật kinh tế để xử lý tình huống cụ thể trong quá trình vận hành nền kinh tế cũng như tham gia hoạt động kinh tế; hiểu được các chính

sách và công cụ điều tiết vĩ mô của Chính phủ trong thực tiễn cũng như tham gia xây dựng và hoàn thiện các chính sách vĩ mô của chính phủ. Bên cạnh đó, sinh viên được làm việc trong các nhóm và thuyết trình các vấn đề nâng cao sử dụng các phương tiện trình chiếu.

22. Lý thuyết tài chính tiền tệ (Số tín chỉ: 3TC)

- *Phân bố thời gian học tập:* 45/0/90

- *Tóm tắt nội dung học phần:* Lý thuyết tài chính tiền tệ là học phần cơ sở ngành thuộc chuyên ngành Kế toán doanh nghiệp công nghiệp, nhằm trang bị cho sinh viên kiến thức về tài chính và tiền tệ; tổng quan về hệ thống tài chính; tài chính doanh nghiệp; các tổ chức tài chính trung gian; lãi suất; chính sách tiền tệ; lạm phát. Học phần này sẽ trang bị cho sinh viên những kiến thức để giải quyết một số vấn đề tài chính tiền tệ phát sinh trong thực tiễn và là nền tảng giúp sinh viên tiếp thu kiến thức chuyên ngành có liên quan.

23. Nguyên lý kế toán (Số tín chỉ: 3TC)

- *Phân bố thời gian học tập:* 45/0/90

- *Tóm tắt nội dung học phần:* Nguyên lý kế toán là học phần bắt buộc dành cho sinh viên khối ngành kinh tế, bao gồm các nội dung: khái niệm, bản chất, đối tượng, mục đích, chức năng, nhiệm vụ, nguyên tắc và yêu cầu của kế toán; các phương pháp kế toán; quá trình thu thập, ghi chép số liệu kế toán; kế toán các quá trình kinh doanh chủ yếu; các hình thức kế toán; nội dung và các hình thức tổ chức công tác kế toán. Học phần này cung cấp những kiến thức nền tảng về kế toán, là cơ sở tiếp thu các kiến thức chuyên ngành có liên quan.

24. Marketing căn bản (Số tín chỉ: 3TC)

- *Phân bố thời gian học tập:* 45/0/90

- *Tóm tắt nội dung học phần:* Học phần Marketing căn bản thuộc khối kiến thức cơ sở nhóm ngành nhằm trang bị cho sinh viên kiến thức về hoạt động marketing trong doanh nghiệp, giúp sinh viên có khả năng vận dụng kiến thức đã học để khám phá cơ hội marketing và các hoạt động marketing thực tế. Học phần này giúp sinh viên có năng lực nhận biết các tác động của xã hội tới hoạt động marketing của doanh nghiệp.

25. Nguyên lý thống kê (Số tín chỉ: 2TC)

- *Phân bố thời gian học tập:* 30/0/60

- *Tóm tắt nội dung học phần:* Học phần Nguyên lý thống kê là học phần cơ sở bắt buộc đối với sinh viên khối ngành kinh tế, bao gồm các nội dung: Các giai đoạn chính của quá trình nghiên cứu thống kê; các phương pháp phân tích thống kê thường dùng; các hình thức tiến hành điều tra, thu thập thông tin; các bước tổng hợp, phân tích, xử lý thông tin bằng việc sử dụng phương pháp phân tích thống kê khác nhau

nếu: thống kê mô tả, phân tích sự biến động của hiện tượng. Học phần này sẽ giúp sinh viên nắm được kiến thức và rèn luyện một số kỹ năng tính toán các chỉ tiêu trong phân tích kinh tế, làm nền tảng cho việc tiếp thu các kiến thức chuyên ngành liên quan.

26. Thống kê doanh nghiệp (Số tín chỉ: 3TC)

- *Phân bố thời gian học tập:* 45/0/90

- *Tóm tắt nội dung học phần:* Học phần Thống kê doanh nghiệp là học phần cơ sở bắt buộc đối với sinh viên khối ngành kinh tế, bao gồm những kiến thức cơ bản về nội dung và phương pháp tính các chỉ tiêu đánh giá kết quả và hiệu quả hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp, qua đó giúp nhà quản lý nắm được tình hình sản xuất kinh doanh hiện tại của doanh nghiệp mình để xây dựng các kế hoạch phát triển trong tương lai cho phù hợp với điều kiện thực tế; Ngoài ra, môn học còn giúp cho người học biết và hiểu được về một số nội dung cần thống kê trong doanh nghiệp như thống kê chất lượng sản phẩm; phương pháp xác định các chỉ tiêu thống kê về chi phí sản xuất và giá thành sản phẩm; cách tính các chỉ tiêu thống kê về quy mô, cơ cấu nguồn nhân lực (lao động), chất lượng nguồn nhân lực và tình hình sử dụng; phương pháp thống kê và đánh giá TSCĐ; phương pháp xác định các chỉ tiêu thống kê nguồn vốn của doanh nghiệp. Đây là những kiến thức căn bản trong doanh nghiệp mà một nhà quản lý cần nắm được để làm nền tảng cho việc đưa ra các quyết định quản lý giúp doanh nghiệp phát triển hơn trong tương lai.

27. Tài chính doanh nghiệp (Số tín chỉ: 3TC)

- *Phân bố thời gian học tập:* 45/0/90

- *Tóm tắt nội dung học phần:* Tài chính doanh nghiệp thuộc khối kiến thức cơ sở ngành nhằm trang bị cho sinh viên các vấn đề cơ bản về tài chính doanh nghiệp gồm phân tích báo cáo tài chính, phân tích tài chính doanh nghiệp, huy động vốn và chi phí vốn của doanh nghiệp, quản lý tài sản của doanh nghiệp. Học phần này trang bị cho sinh viên kỹ năng phân tích tài chính doanh nghiệp để sử dụng các nguồn lực tài chính một cách hiệu quả.

28. Phân tích các hoạt động kinh doanh (Số tín chỉ: 3TC)

- *Phân bố thời gian học tập:* 45/0/90

- *Tóm tắt nội dung học phần:* Học phần Phân tích hoạt động kinh doanh thuộc khối kiến thức cơ sở ngành chính, là học phần bắt buộc đối với sinh viên khối ngành kinh tế, phân tích tài chính nhằm giới thiệu cho sinh viên hiểu, vận dụng, phân tích ảnh hưởng của các nhân tố (nguyên nhân) tới các chỉ tiêu đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh. Ngoài ra, học phần này cũng cung cấp khả năng vận dụng kiến thức đã học để giải quyết vấn đề: Phân tích các nguyên nhân chủ yếu ảnh hưởng

tới chuẩn bị các yếu tố sản xuất; tiết kiệm chi phí, hạ giá thành sản phẩm; biện pháp nâng cao hiệu quả sử dụng các nguồn lực trong doanh nghiệp.

29. Đề án Kinh tế học (Số tín chỉ: 1TC)

- *Phân bố thời gian học tập:* 0/60/30

- *Điều kiện tiên quyết:* Kinh tế học vi mô, Kinh tế học vĩ mô

- *Tóm tắt nội dung học phần:* Đề án kinh tế học là học phần cơ sở bắt buộc dành cho sinh viên khối ngành kinh tế nhằm áp dụng các kiến thức kinh tế cơ bản để giải quyết các bài toán trong thực tế như tìm hiểu về cung, cầu, chi phí, giá cả, doanh thu, lợi nhuận, cạnh tranh và độc quyền; biết cách phân tích các vấn đề kinh tế vĩ mô như tăng trưởng kinh tế, thu nhập quốc dân, thất nghiệp, lạm phát. Học phần này củng cố kiến thức của học phần Kinh tế vi mô và Kinh tế vĩ mô trang bị thêm cho sinh viên kỹ năng sử dụng các công cụ, các mô hình và các phương pháp kinh tế học để giải quyết một bài toán kinh tế cụ thể.

30. Quản trị học (Số tín chỉ: 3TC)

- *Phân bố thời gian học tập:* 45/0/90

- *Tóm tắt nội dung học phần:* Quản trị học là học phần bắt buộc trong khối kiến thức cơ sở của ngành Quản lý công nghiệp, bao gồm những nội dung kiến thức về: Tổ chức/doanh nghiệp và môi trường hoạt động của tổ chức/doanh nghiệp; Nhà quản trị và hoạt động ra quyết định của nhà quản trị, 04 chức năng quản trị lập kế hoạch, tổ chức, lãnh đạo và kiểm tra. Học phần giúp sinh viên có góc nhìn tổng quan về hoạt động của một tổ chức/doanh nghiệp, đồng thời đóng góp vai trò cung cấp kiến thức nền tảng cho sinh viên tiếp thu các học phần quản trị lĩnh vực trong khối kiến thức chuyên ngành.

31. Kế toán quản trị 2 (Số tín chỉ: 2TC)

- *Phân bố thời gian học tập:* 30/0/60

- *Tóm tắt nội dung học phần:* Kế toán quản trị 2 là học phần bắt buộc dành cho sinh viên ngành Quản lý công nghiệp, bao gồm các nội dung: Khái niệm, bản chất, đối tượng, vai trò, phương pháp của Kế toán quản trị; các phương pháp phân loại chi phí; mối quan hệ chi phí – khối lượng – lợi nhuận; nhận diện, phân tích thông tin thích hợp cho việc ra quyết định ngắn hạn. Học phần này sẽ giúp sinh viên hiểu, biết cách vận dụng để thu thập và cung cấp thông tin giúp nhà quản trị đưa ra quyết định quản lý trong quá trình điều hành doanh nghiệp.

32. Giao tiếp kinh doanh (Số tín chỉ: 3TC)

- *Phân bố thời gian học tập:* 45/0/90

- *Tóm tắt nội dung học phần:* Giao tiếp kinh doanh là học phần cơ sở ngành Quản lý công nghiệp. Học phần cung cấp cho sinh viên kiến thức cơ bản về giao tiếp kinh

doanh (các hình thức và phương tiện giao tiếp) và các kỹ năng trong giao tiếp kinh doanh, cách ứng xử với các đối tượng giao tiếp khác nhau ở nơi làm việc. Học phần này giúp sinh viên rèn luyện những kỹ năng giao tiếp cơ bản trong cuộc sống, trong kinh doanh để có thể nhanh chóng hòa nhập với môi trường thực tế sau khi tốt nghiệp.

33. Quản trị chiến lược (Số tín chỉ: 3TC)

- *Phân bố thời gian học tập: 45/0/90*

- *Điều kiện tiên quyết: Quản trị học*

- *Tóm tắt nội dung học phần:* Quản trị chiến lược là học phần bắt buộc trong khối kiến thức ngành Quản lý công nghiệp, bao gồm các nội dung kiến thức về: Khái quát về chiến lược, quá trình phát triển và mô hình quản trị chiến lược; phân tích môi trường vĩ mô và vi mô để xác định điểm mạnh, điểm yếu, cơ hội, nguy cơ của doanh nghiệp; phân tích và lựa chọn chiến lược thích hợp cho từng cấp chiến lược của doanh nghiệp (cấp doanh nghiệp, cấp đơn vị kinh doanh và cấp chức năng); thực thi và điều chỉnh chiến lược. Học phần Quản trị chiến lược trang bị cho sinh viên phương pháp tư duy về xây dựng chiến lược và những cơ sở khoa học giúp sinh viên tìm kiếm các giải pháp giúp tổ chức/doanh nghiệp/cá nhân đạt được mục tiêu mong muốn.

34. Kinh tế công nghiệp (Số tín chỉ: 3TC)

- *Phân bố thời gian học tập: 45/0/90*

- *Tóm tắt nội dung học phần:* Học phần Kinh tế công nghiệp là học phần bắt buộc ngành Quản lý công nghiệp, học phần nhằm trang bị cho sinh viên kiến thức cơ bản về ngành công nghiệp nói chung và ngành công nghiệp Việt Nam nói riêng và sự quản lý ở tầm vĩ mô của Nhà nước đối với các doanh nghiệp hoạt động trong ngành. Ngoài ra học phần sẽ giúp sinh viên hiểu biết hơn về vấn đề kinh tế xã hội cũng như được trang bị thêm các kiến thức và kỹ năng để hòa nhập và phát triển trong môi trường làm việc sau khi tốt nghiệp.

35. Thực tập cơ sở ngành Quản lý công nghiệp (Số tín chỉ: 2TC)

- *Phân bố thời gian học tập: 0/120/60*

- *Điều kiện tiên quyết: Quản trị học*

- *Tóm tắt nội dung học phần:* Thực tập cơ sở ngành Quản lý công nghiệp - chuyên ngành Logistics nằm trong nhóm các học phần cơ sở ngành, bao gồm các nội dung: Cơ cấu tổ chức bộ máy quản lý, kết quả hoạt động kinh doanh của cơ sở 3 năm gần nhất; lựa chọn và báo cáo chi tiết thực trạng một trong các hoạt động Logistics của cơ sở; nhận xét những kết quả đã đạt được, những vấn đề còn tồn tại và nguyên nhân hạn chế; đưa ra một số giải pháp nâng cao hiệu quả hoạt động của lĩnh vực lựa chọn báo cáo. Học phần giúp sinh viên vận dụng các kiến thức lý thuyết vào tìm hiểu thực tế hoạt động Logistics tại các doanh nghiệp.

36. Quản trị nguồn nhân lực (Số tín chỉ: 3TC)

- *Phân bố thời gian học tập: 45/0/90*

- *Điều kiện tiên quyết: Quản trị học*

- *Tóm tắt nội dung học phần:* Học phần Quản trị nguồn nhân lực là học phần bắt buộc nằm trong khối kiến thức của ngành Quản lý công nghiệp. Học phần bao gồm các nội dung: Xây dựng kế hoạch nguồn nhân lực, phân tích công việc, tuyển chọn và bố trí lao động, đánh giá thực hiện công việc, đào tạo và phát triển nhân lực, thù lao và các phúc lợi dịch vụ cho người lao động, giải quyết các quan hệ lao động trong doanh nghiệp. Học phần sẽ trang bị cho sinh viên kiến thức về nguồn nhân lực và các vấn đề liên quan đến quản lý nguồn lực con người trong tổ chức nhằm thu hút, sử dụng và duy trì lực lượng lao động đủ về lượng, đúng về chất và đồng bộ về cơ cấu, đáp ứng yêu cầu của các hoạt động trong doanh nghiệp.

37. Logistics cơ bản (Số tín chỉ: 3TC)

- *Phân bố thời gian học tập: 30/0/60*

- *Điều kiện tiên quyết:*

- *Tóm tắt nội dung học phần:* Logistics cơ bản là học phần bắt buộc nằm trong khối kiến thức chuyên ngành Logistics. Học phần cung cấp những kiến thức cơ bản nhất về Logistics và là cơ sở cho người học làm chủ công tác hoạch định quản trị dịch vụ Logistics tại các doanh nghiệp kinh doanh dịch vụ Logistics, doanh nghiệp vận tải đa phương thức và các doanh nghiệp nói chung. Sinh viên có thể vận dụng kiến thức đã học để giải quyết các vấn đề phát sinh trong chuỗi tích hợp nhiều hoạt động kinh tế nhằm tối ưu hóa vị trí và quá trình chu chuyển, phân phối hàng hóa từ điểm đầu đến điểm cuối dây chuyền cung ứng.

38. Quản trị Logistics (Số tín chỉ: 3TC)

- *Phân bố thời gian học tập: 45/0/90*

- *Điều kiện tiên quyết:*

- *Tóm tắt nội dung học phần:* Quản trị Logistics là học phần bắt buộc nằm trong khối kiến thức chuyên ngành dành cho sinh viên chuyên ngành Logistics. Học phần cung cấp những kiến thức cơ bản, tổng quan về quá trình hoạch định, thực hiện và kiểm soát một cách có hiệu quả chi phí lưu thông, dự trữ nguyên vật liệu, hàng hoá tồn kho trong quá trình sản xuất sản phẩm cùng dòng thông tin tương ứng từ điểm đầu tiên đến điểm tiêu dùng cuối cùng nhằm mục đích đáp ứng yêu cầu của khách hàng, thông qua hàng loạt các hoạt động kinh tế như quản trị nhu cầu, quản trị dự trữ, quản trị kho hàng, quản trị dịch vụ giao nhận hàng hóa, hệ thống thông tin Logistics, và quản trị dịch vụ khách hàng. Học phần cũng làm rõ các nội dung hoạt động Logistics trong sự liên kết với các chức năng quan trọng của doanh nghiệp như marketing, sản xuất và tài

chính. Nhờ đó mà góp phần cho người học hoàn thiện hệ thống kiến thức quản trị kinh doanh tại các doanh nghiệp Việt Nam.

39. Nghiệp vụ ngoại thương (Số tín chỉ: 4TC)

- *Phân bố thời gian học tập: 60/0/120*

- *Tóm tắt nội dung học phần:* Nghiệp vụ ngoại thương là học phần bắt buộc thuộc khối kiến thức chuyên ngành Logistics, nghiên cứu những vấn đề cơ bản trong kinh doanh ngoại thương, bao gồm các vấn đề về hàng hoá, bảo hiểm, vận tải và thanh toán trong ngoại thương; các nghiệp vụ trung gian trong ngoại thương bao gồm tiếp cận thị trường, soạn thảo hợp đồng, đàm phán và ký kết hợp đồng ngoại thương; các nghiệp vụ tổ chức thực hiện hợp đồng ngoại thương bao gồm từ việc triển khai thực hiện đến lúc kết thúc hợp đồng trên cả hai phương diện xuất khẩu và nhập khẩu. Từ đó giúp người học nhận thức và vận dụng được các nghiệp vụ ngoại thương trong hoạt động kinh doanh quốc tế.

40. Vận tải và giao nhận (Số tín chỉ: 3TC)

- *Phân bố thời gian học tập: 60/0/120*

- *Tóm tắt nội dung học phần:* Vận tải và giao nhận là học phần bắt buộc nằm trong khối kiến thức chuyên ngành dành cho sinh viên chuyên ngành Logistics, bao gồm các nội dung: Vận tải và buôn bán quốc tế; chuyên chở hàng hóa xuất nhập khẩu bằng đường biển; chuyên chở hàng hóa xuất nhập khẩu bằng đường sắt; chuyên chở hàng hóa xuất nhập khẩu bằng đường hàng không; chuyên chở hàng hóa xuất nhập khẩu bằng đường ô tô; chuyên chở hàng hóa xuất nhập khẩu bằng Container; giao nhận hàng hóa xuất nhập khẩu chuyên chở bằng đường biển; giao nhận hàng hóa xuất nhập khẩu chuyên chở bằng đường biển. Học phần này sẽ trang bị cho sinh viên những kiến thức chuyên ngành để giải quyết các vấn đề liên quan đến nghiệp vụ vận tải và giao nhận.

41. Quản trị hàng tồn kho và kho bãi (Số tín chỉ: 3TC)

- *Phân bố thời gian học tập: 45/0/90*

- *Tóm tắt nội dung học phần:* Là học phần bắt buộc khối kiến thức chuyên ngành Logistics, quản trị hàng tồn kho và kho bãi là một lĩnh vực quan trọng, không thể thiếu trong hoạt động Logistics. Với mong muốn cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản nhất liên quan đến quản lý hàng tồn kho và kho bãi, học phần tập trung vào các nội dung cơ bản sau: Tổng quan về quản lý hàng tồn kho và kho bãi; quản lý kho hàng, các mô hình quản lý hàng tồn kho; vận hành kho bãi; hoạch định kho bãi và đánh giá kho bãi.

42. Quản trị chuỗi cung ứng 1 (Số tín chỉ: 2TC)

- *Phân bố thời gian học tập: 30/0/60*

- *Tóm tắt nội dung học phần:* Là học phần bắt buộc khối kiến thức chuyên ngành Logistics, Quản trị chuỗi cung ứng 1 trang bị cho học viên kiến thức về hoạt động của doanh nghiệp trong chuỗi cung ứng ngành, các hoạt động quản trị chuỗi cung ứng của doanh nghiệp, giúp học viên có khả năng vận dụng kiến thức đã học để xác định mô hình chuỗi cung ứng của doanh nghiệp, ngành và phân tích các hoạt động quản trị chuỗi cung ứng thực tế. Học phần này giúp sinh viên rèn luyện kỹ năng nhận biết các tác động của xã hội tới hoạt động của chuỗi cung ứng.

43. Đề án Nghiệp vụ ngoại thương (Số tín chỉ: 1TC)

- *Phân bố thời gian học tập:* 0/60/30

- *Điều kiện tiên quyết:* Nghiệp vụ Ngoại thương

- *Tóm tắt nội dung học phần:* Đề án Nghiệp vụ ngoại thương là học phần chuyên ngành bắt buộc dành cho sinh viên chuyên ngành Logistics nhằm áp dụng các kiến thức nghiệp vụ ngoại thương để giải quyết các bài toán trong thực tế như tìm hiểu về những phương thức giao dịch trên thị trường, vận tải và giao nhận hàng hóa, bảo hiểm hàng hóa trong ngoại thương, thanh toán quốc tế trong ngoại thương, soạn thảo và ký kết hợp đồng ngoại thương, tổ chức thực hiện hợp đồng ngoại thương. Học phần này củng cố kiến thức của học phần Nghiệp vụ ngoại thương, trang bị thêm cho sinh viên kỹ năng sử dụng các công cụ và các phương pháp để giải quyết một bài toán kinh tế cụ thể trong thực tiễn của hoạt động kinh doanh xuất nhập khẩu.

44. Đề án Vận tải và giao nhận (Số tín chỉ: 1TC)

- *Phân bố thời gian học tập:* 0/60/30

- *Điều kiện tiên quyết:* Vận tải và giao nhận

- *Tóm tắt nội dung học phần:* Đề án Vận tải và giao nhận là học phần bắt buộc nằm trong khối kiến thức chuyên ngành giúp sinh viên nắm vững và vận dụng các kiến thức đã học về vận tải và giao nhận vào thực tiễn. Các nhóm sinh viên sẽ phải lựa chọn thực hiện một chủ đề cụ thể về vận tải và giao nhận, biết cách thu thập thông tin, xử lý và phân tích dữ liệu đó.

45. Học phần tự chọn chuyên ngành

45.1.1. E-Logistics (Số tín chỉ: 2TC)

- *Phân bố thời gian học tập:* 30/0/60

- *Điều kiện tiên quyết:*

- *Tóm tắt nội dung học phần:* E-Logistics là học phần tự chọn thuộc khối kiến thức chuyên ngành Logistics. Với sự phát triển mạnh mẽ của thương mại điện tử, Logistics điện tử cũng dần dần được số hóa. Các doanh nghiệp hiện nay cũng đã thay đổi hình thức quản lý và triển khai Logistics theo phương thức truyền thống sang Logistics điện tử (E-Logistics). Học phần này nhằm cập nhật cho người học xu hướng

phát triển số hóa của Logistics cũng như những ứng dụng cơ bản của E-Logistics trong thực tế kinh doanh hiện nay.

45.1.2. Tiếng anh Logistics (Số tín chỉ: 3TC)

- *Phân bố thời gian học tập: 45/0/90*

- *Tóm tắt nội dung học phần:* Tiếng anh Logistics là học phần tự chọn thuộc khối kiến thức chuyên ngành Logistics, nhằm trang bị các thuật ngữ tiếng anh và cách sử dụng chúng trong các nội dung sau: Giới thiệu Logistics, dịch vụ Logistics, quản lý hàng tồn kho và mua sắm, các mô hình vận chuyển, lập kế hoạch và sắp xếp kế hoạch vận chuyển hàng, vận chuyển hàng, kho hàng và dự trữ, thủ tục và tài chính.

45.2.1. Vận tải đa phương thức (Số tín chỉ: 2TC)

- *Phân bố thời gian học tập: 30/0/60*

- *Tóm tắt nội dung học phần:* Vận tải đa phương thức là học phần tự chọn thuộc khối kiến thức chuyên ngành Logistics, bao gồm các nội dung: Vận tải và buôn bán quốc tế; chuyên chở hàng hóa xuất nhập khẩu bằng đường biển; chuyên chở hàng hóa xuất nhập khẩu bằng đường sắt; chuyên chở hàng hóa xuất nhập khẩu bằng đường hàng không; chuyên chở hàng hóa xuất nhập khẩu bằng đường ô tô; chuyên chở hàng hóa xuất nhập khẩu bằng Container; giao nhận hàng hóa xuất nhập khẩu chuyên chở bằng đường biển; vận tải đa phương thức quốc tế. Học phần này sẽ trang bị cho sinh viên những kiến thức chuyên ngành để giải quyết các vấn đề liên quan đến nghiệp vụ vận tải.

45.2.2. Logistics và vận tải quốc tế (Số tín chỉ: 3TC)

- *Phân bố thời gian học tập: 45/0/90*

- *Tóm tắt nội dung học phần:* Là học phần tự chọn thuộc khối kiến thức chuyên ngành Logistic, học phần cung cấp các kiến thức về các lý thuyết căn bản trong Logistics và vận tải quốc tế: sự vận động của hàng hóa, nguyên liệu trong quá trình sản xuất, lưu thông và phân phối; các kiến thức về việc tổ chức chuyên chở hàng hóa liên quốc gia bằng các phương thức vận tải khác nhau gồm đường biển, đường hàng không, đường sắt, container và vận tải đa phương thức.

45.3.1. Giao dịch thương mại quốc tế (Số tín chỉ: 2TC)

- *Phân bố thời gian học tập: 30/0/60*

- *Tóm tắt nội dung học phần:* Giao dịch thương mại quốc tế là học phần tự chọn thuộc khối kiến thức chuyên ngành Logistics. Học phần cung cấp kiến thức và kỹ năng liên quan tới hoạt động thương mại trên thị trường thế giới. Môn học tập trung vào các phương thức tiến hành các giao dịch thương mại trong môi trường quốc tế phức tạp với những khác biệt về chính trị, kinh tế, chính sách thương mại, ngôn ngữ và văn

hóa... Các giao dịch được tiến hành phù hợp với quy định và tập quán quốc tế dưới nhiều hình thức khác nhau như mua bán trực tiếp, giao dịch qua trung gian, giao dịch tái xuất, mua bán đối lưu, đấu giá, đấu thầu và nhượng quyền thương mại.

45.3.2. Thanh toán quốc tế (Số tín chỉ: 3TC)

- *Phân bố thời gian học tập:* 45/0/90

- *Tóm tắt nội dung học phần:* Là học phần tự chọn thuộc khối kiến thức chuyên ngành Logistics, Thanh toán quốc tế cung cấp những kiến thức về tỷ giá hối đoái, về các loại tiền tệ trong thanh toán quốc tế, về các loại thời gian thanh toán quốc tế, về các phương tiện thanh toán quốc tế phổ biến trên thế giới, các phương thức thanh toán quốc tế được áp dụng trong các giao dịch thương mại quốc tế, đồng thời trang bị cho sinh viên các tiêu chuẩn ngân hàng quốc tế trong việc soạn thảo và kiểm tra các chứng từ liên quan đến nghiệp vụ thanh toán. Từ đó giúp người học nhận thức và vận dụng được các nghiệp vụ thanh toán quốc tế trong hoạt động kinh doanh quốc tế.

45.4.1. Bảo hiểm trong ngoại thương (Số tín chỉ: 2TC)

- *Phân bố thời gian học tập:* 30/0/60

- *Điều kiện tiên quyết:* Quản lý sản xuất công nghiệp

- *Tóm tắt nội dung học phần:* Là học phần tự chọn thuộc khối kiến thức chuyên ngành Logistics, Bảo hiểm trong ngoại thương giúp người học nắm vững các kiến thức về bản chất của bảo hiểm hàng hóa trong giao dịch thương mại quốc tế bao gồm các rủi ro, tổn thất trong bảo hiểm vận tải quốc tế, các điều kiện trong bảo hiểm vận tải quốc tế, hợp đồng, nguyên tắc và thủ tục bảo hiểm, bảo hiểm hàng hóa xuất nhập khẩu bằng đường biển, đường bộ và đường hàng không. Từ đó giúp người học nhận thức và vận dụng được các nghiệp vụ bảo hiểm hàng hóa trong các giao dịch thương mại quốc tế.

45.4.2. Nghiệp vụ hải quan (Số tín chỉ: 3TC)

- *Phân bố thời gian học tập:* 45/0/90

- *Tóm tắt nội dung học phần:* Là học phần tự chọn thuộc khối kiến thức chuyên ngành Logistics, Nghiệp vụ hải quan cung cấp những kiến thức cơ bản, khái quát về hải quan, thủ tục hải quan, kiểm tra hải quan, tính thuế hải quan, thông quan hải quan, giám sát và kiểm soát hải quan cũng như quản lý rủi ro trong hoạt động hải quan. Từ đó, người học có những hiểu biết, kiến thức và kỹ năng cần thiết để thực hiện các thủ tục hải quan đối với các hoạt động kinh doanh xuất nhập khẩu.

46. Thực tập tốt nghiệp ngành Quản lý công nghiệp (Số tín chỉ: 3TC)

- *Phân bố thời gian học tập:* 0/180/90

- *Điều kiện tiên quyết:* Nghiệp vụ ngoại thương, Vận tải và giao nhận, Quản trị hàng tồn kho và kho bãi

- *Tóm tắt nội dung học phần:* Học phần Thực tập tốt nghiệp là học phần thực tế chuyên môn dành cho sinh viên của ngành Quản lý công nghiệp, chuyên ngành Logistics. Dựa trên cơ sở kiến thức và chuyên môn đã học, học phần cung cấp cho sinh viên cơ hội đánh giá thực tế áp dụng các lý thuyết đã học tại các cơ sở thực tập. Học phần này giúp sinh viên rèn luyện kỹ năng làm việc trong thực tiễn để tìm hiểu và hoàn thành báo cáo về: Cơ cấu tổ chức bộ máy quản lý, thực trạng các hoạt động Logistics tại đơn vị thực tập; nhận xét những kết quả đã đạt được, những vấn đề còn tồn tại và nguyên nhân hạn chế; đưa ra giải pháp nâng cao hiệu quả hoạt động Logistics tại đơn vị thực tập.

47. Khóa luận tốt nghiệp ngành Quản lý công nghiệp (chuyên ngành Logistics)
(Số tín chỉ: 6TC)

- *Phân bố thời gian học tập:* 0/360/180

- *Điều kiện tiên quyết:* Thực tập tốt nghiệp

- *Tóm tắt nội dung học phần:* Học phần Khóa luận tốt nghiệp nằm trong nhóm học phần chuyên ngành Logistics của ngành Quản lý công nghiệp. Khóa luận tốt nghiệp bao gồm các nội dung cơ bản về: Cơ sở lý luận về vấn đề nghiên cứu; Đánh giá thực trạng của vấn đề nghiên cứu tại một doanh nghiệp cụ thể (số liệu sử dụng trong phân tích, đánh giá đơn vị nghiên cứu là những số liệu cập nhật, chính thống); Đề xuất một số giải pháp hiệu quả khắc phục những tồn tại hoặc phát huy những thế mạnh của đơn vị nghiên cứu. Học phần giúp sinh viên gắn lý luận với thực tế về hoạt động Logistics tại các doanh nghiệp đặt trong mối liên hệ với các yếu tố môi trường ngành, môi trường vĩ mô; nâng cao khả năng nghiên cứu chuyên sâu một hoạt động (lĩnh vực) Logistics cụ thể; tìm kiếm các giải pháp phù hợp cho những tồn tại nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động Logistics trong doanh nghiệp.